

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 21/12/2022

V/v tranh chấp: “Chia tài sản chung sau ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy

Các Thẩm phán: +Bà Hoàng Thị Thơ

+Ông Huỳnh Văn Ngoan

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 14 và 21 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 54/2022/TLPT-HNGĐ ngày 24/10/2022 về việc tranh chấp: “*Chia tài sản chung sau ly hôn*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 112/2022/HNGĐ-STNgày: 13/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 301/2022/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị Kim H, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp 14, xã LT, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Văn D – Văn phòng Luật sư D thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp 14, xã LT, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Trương Thị Thanh T, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Số 35 HV, Phường N, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Luật sư Dương Thị Kim L - Văn phòng Luật sư Kim L thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

3. Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Văn B.

4. Cơ quan kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt bà H, ông B, bà T, bà L và ông D).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo án sơ thẩm;

Nguyên đơn Phan Thị Kim H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn B ly hôn theo Quyết định số 199/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Theo quyết định này, về tài sản chung hai bên tự thỏa thuận. Sau khi ly hôn ông B có viết giấy tay thỏa thuận về tài sản chung là đồng ý giao toàn bộ căn nhà cho bà và bà cũng đồng ý giao 02 thửa đất cho ông B nhưng sau đó ông B không thực hiện nên phát sinh tranh chấp. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng cho bà và ông B như sau:

Chia cho bà căn nhà tường, mái tole, nền gạch men, gắn liền thửa đất số 280, tờ bản đồ số 20, diện tích 129,8m² tại ấp 14, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Đối với các tài sản trong nhà bà không tranh chấp, sau này không thỏa thuận được thì sẽ khởi kiện bằng 01 vụ kiện khác.

Chia cho ông B 02 thửa đất gồm thửa 188, tờ bản đồ số 24, diện tích 2.123,6m² và thửa 174, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.276,1m², cùng tọa lạc tại ấp 14, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp ông B không đồng ý chia nhà cho bà thì bà yêu cầu chia đôi 02 thửa đất nêu trên do 02 thửa đất này có nguồn gốc của cha mẹ ông B cho chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân và vợ chồng có mua thêm 185m² trong thửa 174, trên đất có một số cây trồng do cha mẹ ông B trồng sẵn và 01 số do vợ chồng trồng thêm, bà yêu cầu được nhận bằng giá trị.

Bị đơn Nguyễn Văn B trình bày:

Ông và bà H kết hôn vào ngày 10/5/2010, sau khi kết hôn được cha mẹ chồng cho ở riêng. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có mua được mảnh đất diện tích 129,8m² thuộc thửa 280, tờ bản đồ số 20, loại đất trồng cây lâu năm tại ấp 14, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, trên đất có 01 căn nhà. Đối với căn nhà và thửa đất này ông đồng ý chia đôi và xin nhận ½ giá trị khoảng 700.000.000 đồng. Đối với các tài sản trong nhà ông không tranh chấp, để hai bên tự thỏa thuận.

Đối với thửa đất số 188, tờ bản đồ số 24, diện tích 2.123,6m² tại ấp 14, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cùng với cây trồng trên đất thì ông không đồng ý chia vì đây là đất do cha của ông là Nguyễn Văn S tặng cho riêng ông vào năm 2011, đến năm 2015 mới thực hiện thủ tục sang tên.

Đối với thửa số 174, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.276,1m² tại ấp 14, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang có nguồn gốc của cha mẹ ông cho diện tích hơn 1.000m², vào năm 2014 vợ chồng ông có mua thêm diện tích 185m² với giá khoảng 50.000.000 đồng.

Ông xác định căn nhà nằm trong thửa 280 và phần đất 185m² nằm chung trong thửa 174 là tài sản chung vợ chồng, ông đồng ý chia đôi.

Riêng đối với hai thửa đất 174 và 188 ông xác định của ông Nguyễn Văn S tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân nên không đồng ý chia.

* Bản án hôn nhân sơ thẩm số 112/2022/HNGĐ-ST ngày 13/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng Điều 33, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình, tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Thị Kim H.

- Xác định tài sản chung của bà Phan Thị Kim H và ông Nguyễn Văn B trong thời kỳ hôn nhân gồm: Căn nhà tường, mái tole, nền gạch men gắn liền quyền sử dụng đất thửa số 280, tờ bản đồ số 20, diện tích 129,8m² đất trồng cây lâu năm tại ấp 14, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02003 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 21/9/2017 cho bà Phan Thị Kim H; Diện tích đất thuộc thửa số 188, tờ bản đồ số 24, diện tích 2.123,6m² tại ấp 14, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00082 ngày 17/8/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Nguyễn Văn B; Diện tích đất thuộc thửa số 174, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.276,1m² tại ấp 14, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01560 do Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp ngày 31/7/2015, cho ông Nguyễn Văn B đứng tên.

Chia cho bà Phan Thị Kim H:

Căn nhà tường, mái tole, nền gạch men gắn liền quyền sử dụng đất thửa số 280, tờ bản đồ số 20, diện tích 129,8m² đất trồng cây lâu năm tại ấp 14, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02003 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 21/9/2017 cho bà Phan Thị Kim H.

Nhà ở: Kết cấu cột bê tông cốt thép, vách tường tô sơn, kèo gỗ quy cách, nền gạch ceramic, mái tole, trần nhựa có khu phụ, có diện tích 84,7m².

Mái che 1: Kết cấu cột bê tông cốt thép, 02 vách tường lưới B40, 02 không vách, kèo gỗ quy cách, nền xi măng, mái tole diện tích 8,2m x 4,4m = 36,08m².

Mái che 2: Kết cấu cột bê tông cốt thép; 02 lưới B40 + 01 vách nờ + 01 vách tường, kèo gỗ quy cách, nền xi măng, mái tole diện tích 2m x 4,4m = 8,8m².

Cổng rào: Kết cấu trụ cổng bê tông cốt thép 300 x 300 ốp gạch ceramic, cửa cổng khung sắt, song sắt, diện tích 3,47m x 2,4m = 8,328m².

Phần đất, nhà, mái che 1, 2 và cổng nhà tọa lạc tại ấp 14, xã Long Trung,

huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Chia cho ông Nguyễn Văn B:

Diện tích đất cùng toàn bộ cây trồng trên đất thuộc thửa số 188, tờ bản đồ số 24, diện tích 2.123,6m² tại ấp 14, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00082 ngày 17/8/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Nguyễn Văn B.

Diện tích đất cùng toàn bộ cây trồng trên đất thuộc thửa số 174, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.276,1m² tại ấp 14, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01560 do Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp ngày 31/7/2015 cho ông Nguyễn Văn B.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

* Ngày 23/6/2022, ông Nguyễn Văn B có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

- Xác định nhà, đất thuộc thửa 280, tờ bản đồ số 20, diện tích 129,8m² đất trồng cây lâu năm và 185m² đất trồng cây lâu năm nằm trong thửa 174, tờ bản đồ 24, tại địa chỉ: Ấp 14, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là tài sản chung của vợ chồng ông B, bà H. Còn phần diện tích 1.091,1m² thuộc thửa 174 và diện tích 2.123,6m² thuộc thửa 188, tờ bản đồ 24, tại địa chỉ: Ấp 14, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là tài sản riêng của ông B.

- Chia cho bà H nhà, đất thuộc thửa 280, tờ bản đồ số 20, diện tích 129,8m² tại địa chỉ: Ấp 14, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Buộc bà H phải hoàn giá trị 1/2 nhà, đất thửa 280 cho ông B.

- Chia cho ông B 185m² đất nằm trong thửa 174, tờ bản đồ 24 tại địa chỉ: Ấp 14, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang và toàn bộ cây trồng trên diện tích đất này, ông B đồng ý thanh toán ½ giá trị đất và cây trồng cho bà H.

- Không chia thửa đất số 188, tờ bản đồ số 24, diện tích 2.123,6m² và thửa đất số 174, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.276,1m² tại địa chỉ: Ấp 14, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang và giá trị các cây trồng trên hai thửa đất này cho bà H vì đây là tài sản riêng của ông B.

* Ngày 27 tháng 6 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 215/QĐ – VKS – HNGĐ đối với Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 112/2022/HNGĐ-ST ngày 13/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng: Hủy bản án sơ thẩm; chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát thay đổi một phần quyết định kháng nghị. Đề nghị hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn B.

- Ông Nguyễn Văn B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Bà Phan Thị Kim H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn B.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn B đưa ra nhiều ý kiến tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận việc thay đổi Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn B; Sửa một phần bản án sơ thẩm.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phan Thị Kim H đưa ra nhiều ý kiến tranh luận đề nghị hội đồng xét xử: Không chấp nhận Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn B; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi một phần Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn B; Sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kim H; Xác định tài sản chung của ông B, bà H gồm có căn nhà và thửa đất số 280, tờ bản đồ 20, diện tích 129,8m² và 185m² đất nằm trong tổng diện tích 1.276,1m² thuộc thửa 174, tờ bản đồ 24, cùng địa chỉ: Ấp 14, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; Chia cho bà H căn nhà gắn với thửa đất số 280, tờ bản đồ 20, diện tích 129,8m²; Chia cho ông B 185m² đất thuộc một phần của thửa 174, tờ bản đồ 24, tại địa chỉ: Ấp 14, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cùng toàn bộ cây trồng trên diện tích đất này; Buộc bà H phải hoàn giá trị tài sản chênh lệch cho ông B với số tiền là 249.730.000 đồng; Xác định phần đất có diện tích 1091,1m² thuộc thửa 174, tờ bản đồ 24, loại đất trồng cây lâu năm và thửa đất số 188, tờ bản đồ 24, diện tích 2.123,6m², loại đất trồng cây lâu năm tại địa chỉ: Ấp 14, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cùng toàn bộ cây trái trên diện tích đất này là tài sản riêng của ông Nguyễn Văn B; Ông B và bà H phải chịu án phí chia tài sản theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Kháng nghị số 215/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang và đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn B là trong hạn luật định nên được hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thay đổi một phần nội dung kháng nghị, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang sửa một phần bản án sơ thẩm. Xét việc thay đổi một phần nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát không vượt quá phạm vi kháng nghị ban đầu nên được hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[2]. Về nội dung kháng cáo, kháng nghị, xét thấy:

Ông Nguyễn Văn B và bà Phan Thị Kim H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn năm 2010 và đã ly hôn vào năm 2019 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 199/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

2.1. Tại phiên tòa, ông B và bà H thống nhất tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân gồm có: Thửa đất số 280, tờ bản đồ số 20, diện tích 129,8m², loại đất trồng cây lâu năm; 01 căn nhà tường, mái tole, nền gạch men gắn liền với thửa đất số 280 và 185m² đất trồng cây lâu năm nằm trong tổng diện tích 1.276,1m² của thửa đất số 174, tờ bản đồ 24 cùng địa chỉ ấp 14, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, tổng giá trị tài sản được định giá là 677.651.796 đồng (Sáu trăm bảy mươi bảy triệu, sáu trăm năm mươi một ngàn, bảy trăm chín mươi sáu đồng). Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất thỏa thuận chia cho bà H được sở hữu, sử dụng thửa đất 280 và căn nhà gắn liền với đất trị giá 588.556.796 đồng; Chia cho ông B 185m² đất nằm trong tổng diện tích 1.276,1m² của thửa 174 trị giá 65.120.000 đồng và cây trồng trên 185m² đất này trị giá 23.975.000 đồng, tổng giá trị tài sản ông B được nhận là 89.095.000 đồng. Ông B yêu cầu bà H phải hoàn trả giá trị tài sản chênh lệch cho ông B với số tiền 249.730.800 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Đối với phần còn lại của thửa đất số 174, tờ bản đồ 24, loại đất trồng cây lâu năm, diện tích 1.076,1m² (đo thực tế 1.091,1m²) tại địa chỉ: Ấp 14, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, các đương sự thống nhất trình bày nguồn gốc đất là của ông Nguyễn Văn S (cha ruột của ông B) mua của bà Nguyễn Thị Ph vào năm 2007 nhưng chỉ làm giấy tay, sau đó ông S cho ông B canh tác, sử dụng trước khi ông B kết hôn với bà H. Sau khi kết hôn, ông B và bà H mua thêm của bà Ph 200m² (đo thực tế 185m²) tiếp giáp với phần đất 1.091,1m² nêu trên, nên khi làm thủ tục cấp giấy đất, ông S đề cho ông B đứng tên hợp đồng chuyển nhượng đối với toàn bộ diện tích 1.276,1m² (1.076,1m² + 185m²) và ông B đã được Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01560 ngày 31/7/2015 nên có đủ cơ sở xác định 1.076,1m² đất này là tài sản riêng của ông B.

2.3. Đối với thửa đất số 188, tờ bản đồ 24, diện tích 2.123,6m², loại đất trồng cây lâu năm tại địa chỉ: Ấp 14, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn S tặng cho ông Nguyễn Văn B theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đã được Văn phòng công chứng Cai Lậy công chứng ngày 02/7/2015, trên cơ sở đó Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 00082 ngày 17/8/2016 cho ông Nguyễn Văn B đứng tên. Bà H cho rằng ông S tặng cho

chung vợ chồng hai diện tích đất này nhưng ông B không thừa nhận mà bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên lời trình bày của bà H là không có cơ sở để xem xét.

Mặt khác, tại Biên bản hòa giải ngày 20/10/2020 (bút lục 189), bà H đã thừa nhận thửa đất số 188, diện tích 2.123,6m² và thửa đất 174, diện tích 1.076m² cùng toàn bộ cây trồng trên đất tài sản riêng của ông Nguyễn Văn B vì nguồn gốc đất là do cha của ông B cho riêng ông B và các cây trồng do ông B trồng sau khi ly hôn với bà H.

Như vậy, việc bà H khởi kiện yêu cầu chia các thửa đất này cùng cây trồng trên đất là không có căn cứ để chấp nhận. Ông B kháng cáo yêu cầu Tòa án xác định 02 thửa đất nêu trên cùng toàn bộ cây trái trên đất là tài sản riêng của ông B là có căn cứ phù hợp pháp luật nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

Bản án sơ thẩm nhận định tại phiên tòa phía ông B xác định việc cha mẹ tặng cho đất là tặng cho chung vợ chồng để cùng nhau canh tác phát triển kinh tế là không đúng với diễn biến đã được ghi nhận tại biên bản phiên tòa ngày 07/6/2022 (bút lục 264) làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của anh B.

Từ những nhận định như đã nêu trên, hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn B; Sửa bản án sơ thẩm.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn B phù hợp với nhận định nêu trên nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Xét đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phan Thị Kim H có một phần phù hợp với nhận định nêu trên nên được chấp nhận một phần.

[5]. Về án phí: Bà Hồng và ông B mỗi người phải chịu 16.941.200 đồng án phí chia tài sản, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông B không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309; Điều 147, Điều 148 Bộ luật tụng dân sự,

Căn cứ Điều 33, Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 27, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn B.

Sửa bản án Hôn nhân sơ thẩm số 112/2022/HNGĐ-ST ngày 13/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kim H.

- Chia cho bà Phan Thị Kim H được quyền sở hữu, sử dụng 01 (một) căn nhà tường, mái tole, nền gạch men gắn liền quyền sử dụng đất thuộc thửa số 280, tờ bản đồ số 20, diện tích 129,8m², loại đất trồng cây lâu năm tại địa chỉ: Ấp 14, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02003 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 21/9/2017 cho bà Phan Thị Kim H (có sơ đồ, vị trí đất kèm theo).

- Chia cho ông Nguyễn Văn B được quyền sở hữu, sử dụng phần đất có diện tích 185m² nằm trong tổng diện tích 1.276,1m² thuộc thửa 174, tờ bản đồ 24, loại đất trồng cây lâu năm tại địa chỉ: Ấp 14, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01560 do Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 31/7/2015 cho ông Nguyễn Văn B (có sơ đồ, vị trí đất kèm theo); Cây trồng trên đất gồm 03 cây Mít loại C; 07 cây Sầu Riêng loại D; 01 cây Sầu Riêng loại C.

- Buộc bà Phan Thị Kim H phải hoàn trả giá trị tài sản cho ông Nguyễn Văn B với số tiền là 249.730.000 đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi ngàn đồng) khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Phan Thị Kim H chậm trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

1.2. Xác định phần đất có diện tích 1091,1m² thuộc thửa 174, tờ bản đồ 24, loại đất trồng cây lâu năm và thửa đất số 188, tờ bản đồ 24, diện tích 2.123,6m², loại đất trồng cây lâu năm, cùng địa chỉ: Ấp 14, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang và toàn bộ cây trái trên đất là tài sản riêng của ông Nguyễn Văn B.

1.3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Kim H về việc chia phần đất có diện tích 1091,1m² thuộc thửa 174, tờ bản đồ 24, loại đất trồng cây lâu năm và thửa đất số 188, tờ bản đồ 24, diện tích 2.123,6m², loại đất trồng cây lâu năm, cùng địa chỉ: Ấp 14, xã Long Trung, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang và toàn bộ cây trái trên diện tích đất này.

2/- Về án phí:

Bà Phan Thị Kim H phải chịu 16.941.200 đồng án phí chia tài sản. Bà H đã nộp tạm ứng án phí 5.000.000 đồng theo biên lai thu số 17114 ngày 17/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, nên còn phải nộp tiếp số tiền 11.941.200 đồng (Mười một triệu, chín trăm bốn mươi một ngàn, hai trăm đồng).

Ông Nguyễn Văn B phải chịu 16.941.200 đồng (Mười sáu triệu, chín trăm bốn mươi một ngàn, hai trăm đồng) án phí chia tài sản và không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) cho ông Nguyễn Văn B theo biên lai thu số 0016369 ngày 23/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án tuyên lúc 08 giờ ngày 21/12/2022, có mặt bà H, ông B và bà T.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS h Cai Lậy;
- Tòa án ND h Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thu Thủy

